

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SIMCO SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 010401706 ngày 21 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi tên Công ty, trụ sở hoạt động và vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: **131.034.260.000 VND**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04 3 5520402
Fax : 04 3 552 0401
Mã số thuế : 0101401706

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Số 16, đường Hằng Chi, thành phố Hà Tĩnh
Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Xí nghiệp xây dựng Simco Sông Đà	Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Trung tâm du lịch	Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà);
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang Web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động; Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản;
- Thiết kế thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 46).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Bà Đặng Thị Thường	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	13 tháng 4 năm 2012	
Ông Phạm Khắc Tập	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	18 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Chu Tuấn Anh	Trưởng ban	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)
Ông Võ Kim Sơn	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)
Ông Hà Hồng Ninh	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng giám đốc	6 tháng 8 năm 2012	
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng giám đốc	6 tháng 8 năm 2009	
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng giám đốc	21 tháng 2 năm 2011	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Thị Thường

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Số: 352/2013/BCTC-KTTV-TV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2013, từ trang 8 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty năm 2012 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 3 năm 2013 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác; chưa đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về việc ghi nhận doanh thu và giá vốn của Dự án kết cấu hạ tầng đô thị hai bên đường bao phía Tây thị xã Hà Tĩnh. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề này đến số dư đầu năm và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, một số khoản đầu tư Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này (chi tiết xem thuyết minh báo cáo tài chính số V.15). Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số GCNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Kiểm toán viên

Trần Kim Anh

Số GCNĐKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.088.536.348	220.039.696.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.061.296.725	11.940.376.558
1. Tiền	111		4.061.296.725	3.894.530.686
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	8.045.845.872
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.940.996.223	12.967.371.328
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.940.996.223	12.967.371.328
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.378.406.791	24.039.668.677
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	7.157.745.907	7.458.554.493
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	5.698.383.350	5.704.011.350
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	11.748.054.378	11.705.308.834
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1.225.776.844)	(828.206.000)
IV. Hàng tồn kho	140		132.744.614.818	159.156.086.949
1. Hàng tồn kho	141	V.7	132.744.614.818	159.156.086.949
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.963.221.791	11.936.193.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	85.018.189	79.935.581
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		405.425.953	442.506.226
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		457.571	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	10.472.320.078	11.413.751.363

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.301.960.976	159.119.597.974
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		57.605.976.731	60.535.608.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	48.267.815.603	50.429.199.244
<i>Nguyên giá</i>	222		63.208.358.889	65.441.702.095
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.940.543.286)	(15.012.502.851)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.333.320	114.333.323
<i>Nguyên giá</i>	228		282.160.000	282.160.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(275.826.680)	(167.826.677)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	9.331.827.808	9.992.076.185
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		99.195.061.451	90.487.781.808
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	11.075.283.680	2.722.783.680
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	78.297.688.166	78.297.688.166
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	21.504.000.000	21.504.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(11.681.910.395)	(12.036.690.038)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.500.922.794	8.096.207.414
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.754.418.207	1.187.120.203
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	298.549.087	613.684.011
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	6.447.955.500	6.295.403.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		351.390.497.324	379.159.294.656

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		156.888.990.754	189.224.109.658
I. Nợ ngắn hạn	310		92.883.893.257	91.615.832.753
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	5.863.976.119	13.057.498.508
2. Phải trả người bán	312	V.21	6.825.336.050	8.827.182.099
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	26.913.210.263	6.818.308.397
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	23.936.573.376	41.893.441.934
5. Phải trả người lao động	315		3.420.033.861	3.628.889.682
6. Chi phí phải trả	316	V.24	879.481.047	1.016.431.060
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	24.675.162.552	14.501.007.641
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	360.678.417	1.240.990.947
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	9.441.572	632.082.485
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		64.005.097.497	97.608.276.905
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.28	3.296.273.217	13.355.704.666
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	19.764.087.599	13.529.312.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.30	40.944.736.681	70.723.259.739
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		194.501.506.570	189.935.184.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.31	194.340.755.598	189.949.375.910
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.034.260.000	131.034.260.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.682.000)	(1.682.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.760.058.963	31.760.058.963
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.011.857.996	13.011.857.996
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.536.260.639	14.144.880.951
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		160.750.972	(14.190.912)
1. Nguồn kinh phí	432	V.32	55.071.125	(148.260.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.33	105.679.847	134.069.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		351.390.497.324	379.159.294.656

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.038,07	3.348,47
Yên Nhật (¥)		446.090	5.280.192
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hiếu

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Thị Thường

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	52.121.642.951	29.045.214.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		377.108.994	188.349.454
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.744.533.957	28.856.864.785
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.516.873.476	23.418.949.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.227.660.481	5.437.915.730
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.718.883.074	1.706.524.778
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.244.003.773	325.931.356
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.459.916.120	412.370.693
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	4.824.622.460	6.624.541.754
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.877.917.322	193.967.398
11. Thu nhập khác	31		43.160.136	27.777.515
12. Chi phí khác	32		25.000.000	34.325.099
13. Lợi nhuận khác	40		18.160.136	(6.547.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.896.077.458	187.419.814
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.189.562.846	46.854.954
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.6	315.134.924	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.391.379.688	140.564.860
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7		

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Thị Thường

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.894.973.164	20.786.246.225
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8.659.597.723)	(23.399.882.200)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.020.996.326)	(9.672.547.370)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(57.140.071)	(302.520.935)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(3.637.379.805)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		52.100.481.920	10.635.539.362
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(66.072.538.814)	(20.262.961.205)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.185.182.150	(25.853.505.928)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(161.812.448)	(29.597.005.251)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			16.313.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.352.500.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		714.703.636	1.706.524.778
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.799.608.812)	(27.874.166.837)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sang Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy lệ từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu & nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phht hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.380.000.000	59.493.602.092
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.643.364.414)	(10.480.555.200)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.263.364.414)	49.013.046.892
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.877.791.076)	(4.714.625.873)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.940.376.558	17.325.577.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.288.757)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.061.296.725	12.610.951.964

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Thị Thường

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Dạng đầy đủ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, xây lắp.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Xuất khẩu lao động
 - Giáo dục đào tạo
 - Kinh doanh bất động sản
 - Kinh doanh thương mại
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 285 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 243 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 35
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.780 VND/USD

239,57 VND/JPY

30/6/2013 : 21.150 VND/USD

213,75 VND/JPY

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	241.689.100	1.142.276.088
Tiền gửi ngân hàng	3.819.607.625	2.752.254.598
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	8.045.845.872
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	4.000.000.000	8.045.845.872
Cộng	8.061.296.725	11.940.376.558

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Các khoản cho vay ngắn hạn				
- Cho Công ty Thủy điện Đăk Đoa vay với lãi suất 24%/năm		6.350.921.027		8.877.296.132
- Cho Công ty Rượu Việt Nam – Thụy Điển vay với lãi suất 24% /năm		4.590.075.196		4.090.075.196
Cộng		10.940.996.223		12.967.371.328

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về kinh doanh Bất động sản	-	1.105.110.000
Phải thu khách hàng về cung cấp dịch vụ	1.144.774.193	877.807.327
Phải thu khách hàng về xây lắp	487.825.322	526.443.322
Phải thu các khách hàng khác	5.525.146.392	4.949.193.844
Cộng	7.157.745.907	7.458.554.493

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán Dự án Vạn Phúc	124.372.000	-
Trả trước cho người bán cho dự án Hà Tĩnh	5.093.146.850	5.093.146.850
Trả trước cho người bán dự án Phụng Hiệp	300.000.000	300.000.000
Các khoản trả trước khác	180.864.500	310.864.500
Cộng	5.698.383.350	5.704.011.350

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ	8.500.000.000	8.500.000.000
Phải thu tiền ứng thực hiện dự án Myanmar	1.500.000.000	1.500.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	24.193.548
Phải thu khác	1.748.054.378	1.681.115.286
Cộng	11.748.054.378	11.705.308.834

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	592.906.267
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	990.477.111	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	235.299.733	235.299.733
Cộng	1.225.776.844	828.206.000

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	828.206.000
Trích lập dự phòng bổ sung	397.570.844
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	1.225.776.844

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	104.948.203	437.035.583
Công cụ, dụng cụ	41.058.453	54.889.534
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	132.598.608.162	158.664.161.832
Cộng	132.744.614.818	159.156.086.949

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí Công cụ dụng cụ	40.066.009	58.657.175
Chi phí bảo hiểm	21.031.140	21.278.406
Chi phí khác	23.921.040	-
Cộng	85.018.189	79.935.581

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là tạm ứng của cán bộ nhân viên Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013** (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	56.854.509.203	3.428.127.044	3.844.390.592	1.008.849.256	305.826.000	65.441.702.095
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do chuyển sang Công cụ dụng cụ	-	(1.672.830.365)	-	(560.512.841)	-	(2.233.343.206)
Số cuối kỳ	56.854.509.203	1.755.296.679	3.844.390.592	448.336.415	305.826.000	63.208.358.889
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.825.856.737	2.351.094.183	2.899.721.470	894.416.517	41.413.944	15.012.502.851
Khấu hao trong kỳ	982.324.813	204.735.759	215.073.878	3.570.976	19.114.128	1.424.819.554
Giảm do chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(1.047.128.041)	-	(449.651.078)	-	(1.496.779.119)
Số cuối kỳ	9.808.181.550	1.508.701.901	3.114.795.348	448.336.415	60.528.072	14.940.543.286
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	48.028.652.466	1.077.032.861	944.669.122	114.432.739	264.412.056	50.429.199.244
Số cuối kỳ	47.046.327.653	246.594.778	729.595.244	-	245.297.928	48.267.815.603

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013** (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	190.500.000	91.660.000	282.160.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	91.660.000	91.660.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	76.166.677	91.660.000	167.826.677
Tăng do khấu hao trong kỳ	108.000.003	-	108.000.003
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	184.166.680	91.660.000	275.826.680
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	114.333.323	-	114.333.323
Số cuối kỳ	6.333.320	-	6.333.320

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự án Phụng Hiệp	2.309.020.651	-	-	2.309.020.651
Dự án mở rộng thị trường Canada	950.863.962	-	950.863.962	-
Chi phí đầu tư khai thác mỏ tại Myanmar ^(*)	6.475.969.604	501.924.462	-	6.977.894.066
Dự án đầu tư xây dựng nhà máy khai thác Cát trắng	44.913.091	-	-	44.913.091
Chi phí đầu tư nghiên cứu triển khai các dự án	62.447.514	-	62.447.514	-
Dự án Thạch cao tại Savanakhet	124.256.654	-	124.256.654	-
Công trình nhà để xe trường nghề	24.604.709	-	24.604.709	-
Cộng	9.992.076.185	501.924.462	1.162.172.839	9.331.827.808

^(*) Chi phí đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà chưa đủ cơ sở ghi nhận là khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT - ĐTRNN - ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 17 tháng 8 năm 2012 cho phép Công ty Cổ phần Simco Sông Đà thành lập Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà tại Myanmar.

Tổng số vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 VND. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã đầu tư là 11.075.283.680 VND, số còn phải đầu tư là 370.011.716.320 VND.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	2.762.000	27.620.000.000	2.762.000	27.620.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	2.397.000	23.970.000.000	2.397.000	23.970.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	1.600.000	16.000.000.000	1.600.000	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	576.684	5.766.843.859	576.684	5.766.843.859
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	350.000	2.900.000.000	350.000	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	83.860	890.844.307	83.860	890.844.307
Công ty TNHH Simco Sông Đà		1.150.000.000		1.150.000.000
Cộng		78.297.688.166		78.297.688.166

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn cam kết góp	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp thực tế
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	29,19%	33,25%	31,30%	27.620.000.000
Vốn góp của Công ty	27,48%	31,30%		26.000.000.000
Vốn nhận ủy thác của CBCNV ^(*)	1,71%	1,95%		1.620.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	42,80%	42,80%	32,53%	23.970.000.000
Vốn góp của Công ty	32,53%	32,53%		18.220.000.000
Vốn nhận ủy thác của CBCNV ^(*)	10,27%	10,27%		5.750.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN	45%	59,99%	59,99%	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim Thành Logistics	40%	34,94%	34,94%	5.766.843.859
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà	35%	35,83%	35,83%	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	20,97%	20,97%	20,97%	890.844.307
Công ty TNHH SIMCO Sông Đà	38,33%	38,33%	38,33%	1.150.000.000
Cộng				78.297.688.166

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		13.745.000.000		13.745.000.000
<i>Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà</i>	<i>1.374.500</i>	<i>13.745.000.000</i>	<i>1.374.500</i>	<i>13.745.000.000</i>
Đầu tư vào đơn vị khác		7.759.000.000		7.759.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê^(*)</i>	<i>69.000</i>	<i>759.000.000</i>	<i>69.000</i>	<i>759.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng – Kratie^(*)</i>	<i>300.000</i>	<i>3.300.000.000</i>	<i>300.000</i>	<i>3.300.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn</i>	<i>210.000</i>	<i>2.100.000.000</i>	<i>210.000</i>	<i>2.100.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà^(*)</i>	<i>100.000</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>100.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung</i>	<i>50.000</i>	<i>500.000.000</i>	<i>50.000</i>	<i>500.000.000</i>
Cộng		21.504.000.000		21.504.000.000

(*) Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết	11.638.663.816	11.696.025.781
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	803.082.441	860.444.406
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	10.835.581.375	10.835.581.375
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	43.246.579	340.664.257
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung	43.246.579	340.664.257
Cộng	11.681.910.395	12.036.690.038

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	841.076.081	829.675.298	219.021.557	1.451.729.822
Chi phí sửa chữa	130.171.587	138.521.909	45.537.096	223.156.400
Chi phí cổ phần hóa	215.872.535	-	136.340.550	79.531.985
Cộng	1.187.120.203	968.197.207	400.899.203	1.754.418.207

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến Thuế TNDN tạm nộp 1% cho hoạt động chuyển nhượng Bất động sản. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	613.684.011
Số phát sinh	-
Số hoàn nhập	(315.134.924)
Số cuối kỳ	298.549.087

19. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại các ngân hàng		
<i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nghệ An</i>	<i>11.907.400</i>	<i>11.811.100</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Thanh Hóa</i>	<i>33.592.100</i>	<i>33.592.100</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i> <i>– Chi nhánh Quang Trung</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i> <i>– Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>5.402.456.000</i>	<i>5.250.000.000</i>
Cộng	6.447.955.500	6.295.403.200

20. Vay và nợ ngắn hạn

Là các vay cá nhân theo hợp đồng huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất huy động do thỏa thuận giữa bên vay và bên đi vay phù hợp với lãi suất ngân hàng công bố từng thời điểm, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh khoản vay các cá nhân như sau

	Kỳ này
Số đầu năm	13.057.498.508
Số tiền vay phát sinh	810.000.000
Số tăng do lãi nhập gốc	38.250.025
Số tiền vay đã trả	(8.041.772.414)
Số cuối kỳ	5.863.976.119

21. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán dự án Hà Tĩnh	4.536.238.415	4.807.982.702
Phải trả người bán dự án Vạn Phúc	727.390.719	1.603.685.719
Phải trả người bán về Xây lắp	682.712.911	1.539.539.736
Phải trả người bán khác	878.994.005	875.973.942
Cộng	6.825.336.050	8.827.182.099

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**22. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền nhà Dự án đất 15% Vạn Phúc	21.476.850.000	-
Người mua trả tiền trước Dự án Hà Tĩnh	5.217.940.263	5.217.940.263
Người mua trả tiền trước Công trình trường THPT Dân lập Đoàn Thị Điểm	-	1.516.648.134
Cộng	26.913.210.263	6.818.308.397

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.811.977.654	1.101.831.623	2.228.243.690	685.565.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.838.632.859	1.189.562.846	-	3.028.195.705
Thuế thu nhập cá nhân	35.117.350	113.834.536	117.919.195	31.032.691
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	38.207.714.071	1.677.310.624	19.693.245.302	20.191.779.393
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	41.893.441.934	4.088.539.629	22.045.408.187	23.936.573.376

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xuất khẩu lao động	0%
Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.896.077.458	187.419.814
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	101.250.001	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	101.250.001	-
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	<i>25.000.000</i>	-
<i>Chi phí khấu hao năm 2012</i>	<i>76.250.001</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.997.327.459	187.419.814
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh Bất động sản	6.018.791.078	-
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	(21.463.619)	187.419.814
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.504.697.770	46.854.954
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong kỳ	(315.134.924)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.189.562.846	46.854.954

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí kiểm toán	344.295.000	344.295.000
Thù lao HĐQT	264.000.000	94.050.000
Chi phí thẩm tra quyết toán Vốn đầu tư	226.251.072	226.251.072
Thiết kế thi công đường dây	41.959.830	41.959.830
Tiền lương phép nghỉ tại chỗ	2.975.145	57.318.245
Tiền thuê Văn phòng	-	35.617.500
Chi phí phải trả khác	-	216.939.413
Cộng	879.481.047	1.016.431.060

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	531.722.876	632.556.382
Bảo hiểm xã hội	1.018.185.562	792.644.460
Bảo hiểm y tế	321.039.532	162.782.759
Bảo hiểm thất nghiệp	135.836.713	68.431.560
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	883.699.695	873.244.695
Phải trả của hoạt động Xuất khẩu lao động	7.798.393.167	243.495.212
Chi phí nhân công thuê ngoài	1.322.979.000	2.227.933.728
Nhận ủy thác đầu tư của CBNV	7.370.000.000	7.370.000.000
Tiền góp vốn dự án Myanmar	3.123.000.000	-
Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà	1.112.123.092	1.267.805.100
Phải trả CBNV tiền chi quá tạm ứng	207.571.206	169.645.247
Các quỹ hỗ trợ CBNV	240.449.108	244.147.044
Các khoản phải trả khác	610.162.601	448.321.454
Cộng	24.675.162.552	14.501.007.641

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số đã sử dụng trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	360.678.417	-	-	-	360.678.417
Dự phòng tiền lương ^(*)	880.312.530	-	506.958.530	373.354.000	-
Cộng	1.240.990.947	-	506.958.530	373.354.000	360.678.417

(*) Dự phòng tiền lương giảm khác do phân loại lại phản ánh trên chỉ tiêu “Phải trả người lao động”

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	105.815.753	-	105.559.913	255.840
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	526.266.732	-	517.081.000	9.185.732
Cộng	632.082.485	-	622.640.913	9.441.572

28. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

29. Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay dài hạn các cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn với các cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng với lãi suất theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6, bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Kỳ này
Số đầu năm	13.529.312.500
Số tiền vay phát sinh trong năm	5.570.000.000
Lãi nhập gốc	1.266.367.099
Số tiền vay đã trả trong năm	(601.592.000)
Số cuối kỳ	19.764.087.599

30. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí dịch vụ Xuất khẩu lao động	10.839.808.518	9.178.706.652
Nhận trước tiền bán nhà dự án đất 15% Vạn Phúc	29.854.908.726	61.368.401.087
Phí dịch vụ đào tạo	250.019.437	176.152.000
Cộng	40.944.736.681	70.723.259.739

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

31. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	131.034.260.000	(1.682.000)	30.499.276.936	12.003.232.375	18.056.964.485	191.592.051.796
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(358.675.886)	(358.675.886)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	1.260.782.027	1.008.625.621	(3.553.407.648)	(1.284.000.000)
Số dư cuối năm trước	131.034.260.000	(1.682.000)	31.760.058.963	13.011.857.996	14.144.880.951	189.949.375.910
Số dư đầu năm nay	131.034.260.000	(1.682.000)	31.760.058.963	13.011.857.996	14.144.880.951	189.949.375.910
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	4.391.379.688	4.391.379.688
Số dư cuối kỳ	131.034.260.000	(1.682.000)	31.760.058.963	13.011.857.996	18.536.260.639	194.340.755.598

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013** (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.426	13.103.426
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.103.426	13.103.426
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.103.426</i>	<i>13.103.426</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>168</i>	<i>168</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.426	13.103.426
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.103.258</i>	<i>13.103.258</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

32. Nguồn kinh phí

	Kỳ này
Số đầu năm	(148.260.000)
Nguồn kinh phí được cấp	1.170.000.000
Chi sự nghiệp	(966.668.875)
Số cuối kỳ	55.071.125

33. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Kỳ này
Số đầu năm	134.069.088
Nguồn kinh phí được cấp	-
Số khấu hao	(28.389.241)
Số cuối kỳ	105.679.847

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	52.121.642.951	29.045.214.239
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.216.621.473	5.983.998.470
<i>Doanh thu dịch vụ xuất khẩu lao động</i>	<i>8.233.943.477</i>	<i>4.764.661.911</i>
<i>Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác</i>	<i>2.982.677.996</i>	<i>1.219.336.559</i>
Doanh thu kinh doanh bất động sản	37.565.037.818	-
Doanh thu hoạt động xây dựng	3.339.983.660	23.061.215.769
Các khoản giảm trừ doanh thu:	377.108.994	(188.349.454)
- Giảm giá hàng bán	377.108.994	(188.349.454)
Doanh thu thuần	51.744.533.957	28.856.864.785
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.102.602.515	5.795.649.016
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	37.301.947.782	-
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	3.339.983.660	23.061.215.769

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.586.965.092	4.494.823.530
<i>Dịch vụ Xuất khẩu lao động</i>	<i>7.710.707.840</i>	<i>4.409.933.615</i>
<i>Các dịch vụ khác</i>	<i>1.876.257.252</i>	<i>84.889.915</i>
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	28.315.557.270	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	3.614.351.114	18.924.125.525
Cộng	41.516.873.476	23.418.949.055

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	30.290.351	32.641.322
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	714.703.636	319.121.769
Lãi cho vay	973.624.895	1.305.776.296
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	264.192	48.985.391
Lãi trái phiếu chuyển đổi	-	4.850.600
Cộng	1.718.883.074	1.706.524.778

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.459.916.120	412.370.693
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	137.578.539	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.288.757	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(354.779.643)	(86.439.337)
Cộng	1.244.003.773	325.931.356

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.563.771.470	4.693.580.926
Chi phí vật liệu quản lý	100.675.323	487.738.335
Chi phí đồ dùng văn phòng	393.689.364	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	154.538.713	111.042.081
Thuế, phí và lệ phí	59.535.882	59.566.819
Chi phí dự phòng	237.409.905	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	422.954.310	518.310.606
Chi phí bằng tiền khác	892.047.493	754.302.987
Cộng	4.824.622.460	6.624.541.754

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Số tiền vay tăng do lãi nhập gốc	1.304.617.124
Phân loại khoản ký quỹ sang phải trả khác	7.192.587.406
Khoản đầu tư ngắn hạn tăng do lãi nhập gốc	973.624.895
Cộng	9.470.829.425

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương	691.012.875
Thù lao	120.000.000
Cộng	811.012.875

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkđoa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Simco Sông Đà	61.696.437	-
Vay Công ty Simco Sông Đà	500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkđoa</i>		
Phải trả Simco Sông Đà lãi vay ngắn hạn	973.624.895	1.292.356.618
Chuyển trả nợ gốc cho Simco Sông Đà	3.500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà</i>		
Phải trả Simco Sông Đà tiền điện nước, thuê văn phòng	234.959.891	-
<i>Công ty TNHH Simco Sông Đà</i>		
Phải trả Simco Sông Đà gốc và lãi vay	-	6.749.900

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i>		
Phải thu tiền gốc và lãi vay	4.590.075.196	4.090.075.196
Phải thu khối lượng xây lắp	1.976.354.222	1.976.354.222
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđoa</i>		
Phải thu tiền gốc và lãi vay	6.350.921.027	8.877.296.132
<i>Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà</i>		
Phải thu phí dịch vụ đã cung cấp	310.000.000	310.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà</i>		
Phải thu về phí dịch vụ đã cung cấp	571.648.896	311.370.030
Cộng nợ phải thu	13.798.999.341	15.565.095.580
<i>Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà</i>		
Phải trả về các khoản ứng trước	323.270.690	323.270.690
Cộng nợ phải trả	323.270.690	323.270.690

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Xuất khẩu lao động: Cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp: Xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, bán biệt thự, căn hộ liền kề.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, dạy học, các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động</u>	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp</u>	<u>Kinh doanh dịch vụ khác</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.119.924.519	40.641.931.442	2.982.677.996	51.744.533.957
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.119.924.519	40.641.931.442	2.982.677.996	51.744.533.957

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	409.216.679	8.712.023.058	1.106.420.744	10.227.660.481
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.824.622.460)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.403.038.021
Doanh thu hoạt động tài chính				1.718.883.074
Chi phí tài chính				(1.244.003.773)
Thu nhập khác				43.160.136
Chi phí khác				(25.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.189.562.846)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(315.134.924)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				4.391.379.688
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	303.445.585	1.518.809.027	111.464.148	1.933.718.760
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.764.661.911	23.061.215.769	1.030.987.105	28.856.864.785
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.764.661.911	23.061.215.769	1.030.987.105	28.856.864.785
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	354.728.296	4.137.090.244	946.097.190	5.437.915.730
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.624.541.754)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.186.626.024)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.706.524.778
Chi phí tài chính				(325.931.356)
Thu nhập khác				27.777.515
Chi phí khác				(34.325.099)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(46.854.954)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				140.564.860

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	55.809.779.343	170.224.368.605	14.916.708.308	240.950.856.256
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				110.439.641.068
Tổng tài sản				351.390.497.324
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	59.095.718.186	47.575.052.613	9.688.016.540	116.358.787.339
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				40.530.203.415
Tổng nợ phải trả				156.888.990.754
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.168.104.003	197.590.920.275	17.675.145.330	265.434.169.608
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				113.725.125.048
Tổng tài sản				379.159.294.656
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	74.413.324.245	48.322.026.668	8.782.081.855	131.517.432.768
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				57.706.676.890
Tổng nợ phải trả				189.224.109.658

Khu vực địa lý

Toàn bộ các hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ				
Hàng tồn kho	141	86.046.391.268	73.109.695.681	159.156.086.949
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		85.560.530.151	73.109.695.681	158.664.161.832
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	83.101.771.866	(73.109.695.681)	9.992.076.185
Xây dựng cơ bản		83.077.167.157	(73.109.695.681)	9.967.471.476

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.061.296.725	-	-	-	8.061.296.725
Phải thu khách hàng	4.918.442.252	-	-	2.239.303.655	7.157.745.907
Các khoản cho vay	10.940.996.223	-	-	-	10.940.996.223
Các khoản phải thu khác	18.137.779.878	-	-	58.230.000	18.196.009.878
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.004.000.000	500.000.000	-	-	21.504.000.000
Cộng	63.062.515.078	500.000.000	-	2.297.533.655	65.860.048.733

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.940.376.558	-	-	-	11.940.376.558
Phải thu khách hàng	7.306.984.760	-	-	151.569.733	7.458.554.493
Các khoản cho vay	12.967.371.328	-	-	-	12.967.371.328
Các khoản phải thu khác	17.942.482.034	-	-	58.230.000	18.000.712.034
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.004.000.000	500.000.000	-	-	21.504.000.000
Cộng	69.184.860.458	500.000.000	-	2.186.153.955	71.871.014.413

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	5.863.976.119	19.764.087.599	-	25.628.063.718
Phải trả người bán	6.825.336.050	-	-	6.825.336.050
Các khoản phải trả khác	23.547.858.916	3.296.273.217	-	26.844.132.133
Cộng	36.237.171.085	23.060.360.816	-	59.297.531.901

Số đầu năm

Vay và nợ	13.057.498.508	13.529.312.500	-	26.586.811.008
Phải trả người bán	8.827.182.099	-	-	8.827.182.099
Các khoản phải trả khác	13.861.023.540	13.355.704.666	-	27.216.728.206
Cộng	35.745.704.147	26.885.017.166	-	62.630.721.313

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện dịch vụ xuất khẩu lao động với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	JPY	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.038	446.090	3.348	5.280.192
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	2.038	446.090	3.348	5.280.192

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 646.578 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.041.794 VND) do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và JPY tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 141.522.053 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.642.805.790 VND) do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	8.045.845.872
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	4.000.000.000	8.045.845.872

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 60.000.000VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 120.687.688VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.061.296.725	-	11.940.376.558	-	8.061.296.725	11.940.376.558
Phải thu khách hàng	7.157.745.907	(1.225.776.844)	7.458.554.493	(828.206.000)	5.931.969.063	6.630.348.493
Các khoản cho vay	10.940.996.223	-	12.967.371.328	-	10.940.996.223	12.967.371.328
Các khoản phải thu khác	18.196.009.878	-	18.000.712.034	-	18.196.009.878	18.000.712.034
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.504.000.000	(43.246.579)	21.504.000.000	(340.664.257)	21.460.753.421	21.163.335.743
Cộng	65.860.048.733	(1.269.023.423)	71.871.014.413	(1.168.870.257)	64.591.025.310	70.702.144.156

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	25.628.063.718	26.586.811.008	25.628.063.718	26.586.811.008
Phải trả người bán	6.825.336.050	8.827.182.099	6.825.336.050	8.827.182.099
Các khoản phải trả khác	26.844.132.133	27.216.728.206	26.844.132.133	27.216.728.206
Cộng	59.297.531.901	62.630.721.313	59.297.531.901	62.630.721.313

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tba nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn cần lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc





Phạm Thị Hiếu

Đặng Thị Thường